

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2023/DS-PT

Ngày: 25-05- 2023

V/v Tranh chấp quyền về lỗi đi qua

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hồng Sơn

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng và ông Nguyễn Phước Hưng

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký  
Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền về lỗi đi qua”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 124/2023/QĐ-PT ngày 04/5/2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Ông Đặng Văn P, sinh năm 1950;

1.2. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1947;

Cùng cư trú: Số H, tổ B, ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị L: Có ông Đặng Văn P, sinh năm 1950; nơi cư trú: Số H, tổ B, ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (theo Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 8 năm 2020)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đặng Văn P: Có bà Lê Hồ Bích H, là Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A;

Địa chỉ: Số H, đường L, phường M, TP ., tỉnh An Giang; có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ B, ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Đặng Văn G, sinh năm: 1970; nơi cư trú: Tổ B, ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang; ông G vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn G: Có bà Đỗ Thị T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ B, ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (theo Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 10 năm 2020); bà T có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án đồng nguyên đơn ông Đặng Văn P và bà Đỗ Thị L (do ông P đại diện) trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Đặng Trung H1 (đã chết) được thừa hưởng của ông, bà để lại có chiều ngang là 10,6m, chiều dài từ mé lộ đến khu đất mồ mã tiếp giáp đất của cha ông Pho, sau khi chia thì tiếp giáp đất ông S. Sau đó ông H1 chuyển nhượng lại cho ông Đặng Văn P1 chiều ngang 10m, chiều dài từ mé lộ khoảng 20m, ông Lê Văn N (từ phía sau đất ông P1) chiều ngang 8,6m, chiều dài là 21m, ông Đặng Văn P chiều ngang 10m, chiều dài 32m (trong đó ông P đã chuyển nhượng lại một phần cho Cao Văn Q và bà Trần Thị N1) chiều ngang 10m, chiều dài từ phía sau đất của ông P đến khu đất mồ mã và sau đó ông P có nhận chuyển nhượng đất của ông Đặng Trung H1.

Khi ông P nhận chuyển nhượng đất của ông H1 thì ông H1 có dành ra một phần diện tích đất của ông H1 với chiều ngang 1,5m và chiều dài từ mé lộ đến khu đất mồ mã để ông H1 có điều kiện về đi lại khu mồ, mã ông, bà của ông H1. Việc ông H1 để lại diện tích đất trên bằng lời nói, không có lập văn bản, ông P sử dụng lối đi này đến năm 2012 thì không còn sử dụng nữa vì có lối đi khác thuận tiện hơn, hiện nay phần đất mà ông P và các ông bà nhận chuyển nhượng của ông H1 đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến cuối năm 2019 thì gia đình bà T xây dựng lấn chiếm lối đi này và phát sinh tranh chấp đến nay.

Ngày 23/4/2021, ông P có khởi kiện sửa đổi, bổ sung là yêu cầu Tòa án buộc các bà Đỗ Thị T và ông Đặng Văn G phải trả lại lối đi có chiều ngang 1,5m, chiều dài 15,12m, tổng diện tích là 22,68m<sup>2</sup> thể hiện tại các điểm mìa 2, 3, 4, 6 theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 18/11/2020 do Văn phòng Đ – Chi nhánh T1 xác lập nằm trong thửa số 173, tờ bản đồ số 13 diện tích 118,3m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà T đứng tên.

Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc là 1.787.520 đồng và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 900.000 đồng. Ông P yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Theo bản tự khai và quá trình tố tụng bà Đỗ Thị T trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Đặng Văn S1 (cha chồng bà T), ông S1 có diện tích đất 441,40m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang

đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03128 QSDĐ/dD ngày 31/10/2002 do UBND huyện T (nay là thị xã T) cấp cho ông Đặng Văn S1.

Năm 1990 ông Đặng Văn S1 tặng cho vợ chồng bà T, ông G một phần diện tích đất, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, bà T và ông G có xây dựng nhà bằng gỗ tạp để ở, đến năm 2012 thì bà T và ông G xây dựng căn nhà như hiện nay. Để không tranh chấp về sau, nên ông S1 với bà T có lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 27/3/2014 có công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật và bà T đã được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06698 ngày 01/8/2014 do UBND thị xã T cấp cho bà Đỗ Thị T, diện tích 118,3m<sup>2</sup>.

Đến cuối năm 2019, gia đình bà T có xây dựng tường rào để ngăn nước mưa và nước thải của các hộ xung quanh tràn qua đất của bà T thì ông P đứng ra ngăn cản và tranh chấp đến nay.

Bà T xác định, việc bà T xây dựng tường rào là nằm trong phạm vi đất mà bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có lấn chiếm đất của ông P hay đất của ai khác và cũng không phải là lỗi đi chung theo trình bày ông P.

Nay ông P yêu cầu bà T và ông G phải trả lại lối đi chiều ngang ngang 1,5m, chiều dài 15,12m, tổng diện tích là 22,68m<sup>2</sup> nằm trong thửa số 173, tờ bản đồ số 13 diện tích 118,3m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06698 ngày 01/8/2014 do UBND thị xã T cấp cho bà Đỗ Thị T thì bà T không đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn G do bà Đỗ Thị T đại diện trình bày: Thông nhất như lời trình bày trên đây của bà T.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang quyết định:***

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, các điều 144, Điều 146, 147, khoản 1, khoản 2 Điều 195, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Đặng Văn P (và đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị L) về việc yêu cầu các ông, bà Đỗ Thị T và Đặng Văn G phải trả lại lối đi qua ngang 1,5m dài 15,12m, tổng diện tích là 22,68m<sup>2</sup> thuộc thửa số 173, tờ bản đồ số 13 diện tích 118,3m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà T đứng tên tại các điểm mìa 2, 3, 4, 6 theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 18/11/2020 do Văn phòng Đ – Chi nhánh T1

xác lập nằm trong thửa số 173, tờ bản đồ số 13 diện tích 118,3m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Đỗ Thị T đứng tên (đính kèm theo bản phô tô sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 18/11/2020 do Văn phòng Đ – Chi nhánh T1 xác lập).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, các quyền về thi hành án, nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023 ông Đặng Văn P có đơn kháng cáo đối với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn Đặng Văn P2 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; bà Đỗ Thị T yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã T; các đương sự không thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đặng Văn P là bà Lê Hồ Bích H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không có văn bản trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

1. Về tố tụng:

- Ông Đặng Văn P thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định nên được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết theo đúng quy định Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định tại các Điều 48, 285, 286 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa; phạm vi xét xử phúc thẩm và thủ tục phiên tòa.

2. Về việc giải quyết vụ án:

Án sơ thẩm xét xử là có căn cứ; ông P kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông P, giữ nguyên án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Về tính hợp pháp đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của được nộp trong thời hạn luật định, có nội dung rõ ràng, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với bà Lê Hồ Bích H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đặng Văn P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, ông P không yêu cầu hoãn phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2]. Về nội dung, xét thấy:

[2.1]. Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được thì nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Đặng Văn S1 được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp quyền sử dụng diện tích 441,40 m<sup>2</sup> (trong đó có 174,10 m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang giao thông theo Quyết định số 11088/QĐ.UB ngày 18/9/1996 của UBND tỉnh A), đất tọa lạc tại ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ vào sổ cấp GCN: 03128.QSĐĐ/dĐ, ngày 31/10/2002.

Ngày 01/8/2014, ông S1 tặng cho bà Đặng Thị G1 diện tích 82m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 75, tờ bản đồ số 13 và tặng cho bà Đỗ Thị T diện tích 118,3m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 173, tờ bản đồ số 13 (ông S1 là cha chồng bà T).

Trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (viết tắt QSĐĐ), bà Đỗ Thị T được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp quyền sử dụng diện tích 118,3m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn, thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ vào sổ cấp GCN: CH02127, ngày 07/8/2014.

[2.2]. Ông Đặng Văn P, bà Đỗ Thị L khởi kiện cho rằng diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Đặng Trung H1 (chú ruột ông P) giao lại ông P quản lý để ông H1 tiện việc đi lại thăm mô, mã ông, bà nhưng ông P không chứng minh được việc ông H1 giao lại cho ông P diện tích đất tranh chấp trên. Theo trình bày của ông P, thì ông H1 và vợ đã chết, ông P không xác định được ông H1 có bao nhiêu người con và con của ông H1 đang ở đâu, ngoài ông P và bà L có tranh chấp với bà T, ông G, thì không có ai tranh chấp với bà L, ông G đối với phần diện tích đất này.

[2.3]. Trong khi đó, phần diện tích đất của ông Đặng Văn P và vợ là bà Đỗ Thị L đang sử dụng có nguồn gốc chuyển nhượng lại của ông Đặng Văn H2. Khi chuyển nhượng thì ông H2 chưa được cấp giấy chứng nhận QSD, nhưng sau đó ông P, bà L có đăng ký và được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp quyền sử dụng diện tích 212,4m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn, thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02127, ngày 27/10/2014.

[2.4]. Theo quy định tại Điều 254 của Bộ luật Dân sự thì trường hợp nếu hộ ông P bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình lối đi hợp lý trên phần đất của họ.

[2.5]. Tuy nhiên, căn cứ vào các biên bản xác minh và xem xét thẩm định tại chỗ thì xác định diện tích đất tranh chấp nằm trong diện tích đất bà T đã được cấp giấy quyền sử dụng, không nằm trong diện tích đất ông P, bà L được cấp quyền sử dụng và cũng không phải là lối đi qua của các hộ dân lân cận, kể cả hộ của ông P. Ông P cũng xác định hiện ông có lối đi khác thuận tiện và tốt hơn và đã sử dụng lối đi trên từ năm 2012 mà không phải là lối đi trên diện tích đất tranh chấp.

[2.6]. Do đó, việc ông P yêu cầu bà T trả lại diện tích đất tranh chấp có chiều ngang 1,5m, dài 15,12m, tổng diện tích là 22,68m<sup>2</sup> thể hiện tại các điểm 2, 3, 4, 6 theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 18/11/2020 do Văn phòng Đ – Chi nhánh T1 xác lập nằm trong thửa số 173, tờ bản đồ số 13 diện tích 118,3m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Đỗ Thị T đứng tên để ông P sử dụng làm lối đi qua là không có căn cứ.

[2.7]. Đối với đường ống nước sinh hoạt của ông P, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, xác định đường ống nước này nằm ngoài diện tích đất của bà T, ông P không yêu cầu xem xét nên cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết vụ này là có căn cứ. Tuy nhiên, nếu sau này các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[2.8]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn P; giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông P, bà L được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn P; giữ nguyên số 20/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào:

- Điều 147, 148, Điều 158 và Điều 159 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn P và bà Đỗ Thị L) về việc yêu cầu bà Đỗ Thị T và ông Đặng Văn G phải trả lại lối đi chiều ngang 1,5m, chiều dài 15,12m, tổng diện tích là 22,68m<sup>2</sup> thể hiện tại các điểm

mia 2, 3, 4, 6 theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh T1 xác lập ngày 18/11/2020, đất thuộc thửa số 173, tờ bản đồ số 13, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06698, do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp ngày 01/8/2014 cho bà Đỗ Thị T diện tích 118,3m<sup>2</sup> (đính kèm theo bản phôtô sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 18/11/2020 do Văn phòng Đ – Chi nhánh T1 xác lập).

## 2. Về chi phí tố tụng:

Ông Đặng Văn P và bà Đỗ Thị L phải chịu chi phí do đạc 1.787.520 đồng và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 900.000 đồng. Tổng cộng ông P và bà L phải chịu chi phí tố tụng là 2.687.520 đồng (hai triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm hai mươi đồng). Ông P và bà L đã nộp đủ chi phí tố tụng.

## 3. Về án phí dân sự:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đỗ Thị L.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đặng Văn P.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND cấp cao tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND thị xã T;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- Tòa Dân sự TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng TAND tỉnh.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Hồng Sơn**